TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:161/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 314/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cù Thanh T, sinh năm 2003.
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng L, sinh năm 2001.
Địa chỉ: ấp 3, xã Thuyện B, tỉnh Bến Tre.
Đang chấp hành án tại Trại giam C. Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Cù Thanh T trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng L qua tìm hiểu, tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/9/2021. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Đến tháng 9 năm 2022 anh L bị bắt đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam C. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh L có 01 con chung là Trần Phương N, sinh ngày 05/12/2019, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai và Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/9/2023, bị đơn anh Trần Hoàng L trình bày:

Anh và chị Cù Thanh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/9/2021. Hôn nhân của anh chị là do tự nguyện, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý. Giữa anh và chị T có 01 con chung là Trần Phương N, sinh ngày 05/12/2019, hiện đang sống với chị T. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cù Thanh T và bị đơn anh Trần Hoàng L có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/9/2021. Chị T và anh L đều cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay, giữa chị T và anh L không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình*: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình..."*. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị T và anh L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh L có 01 con là Trần Phương N, sinh ngày 05/12/2019, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng con, anh L thì đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Xét thấy, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi, đây là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cù Thanh T. Chị Cù Thanh T được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

Về con chung: Giao cháu Trần Phương N, sinh ngày 05/12/2019 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006024 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã T,
huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Gẩm